TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Lê Đình Quảng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết,xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, Thôn Q, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và bà H cũng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn khởi kiện ngày 04/01/2018, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quang T tự nguyện đăng kết hôn vào ngày 14/3/2014, tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng dần dần phát sinh mâu thuẫn từ việc nhỏ đến việc lớn khiến cuộc sống vợ chồng

ngột ngạt, ức chế, thường xuyên cãi nhau đến mức ông T đánh đập bà phải nhập viện. Sau đó, gia đình bán nhà chuyển về sống tại Thôn Q, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng nhưng tình trạng bạo lực gia đình của ông T vẫn không thay đổi, ông T đánh bà bị thương nặng đến mức độ mẹ ông T phải báo chính quyền địa phương đến can thiệp. Kể từ đó (khoảng cuối tháng 10/2017), vì quá sợ hãi, bà đã bỏng con đi trốn và sống ly thân cho đến nay. Từ khi bà nộp đơn ly hôn đến nay, ông T không đồng ý ly hôn nhưng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm chăm sóc nhau. Bà xác định không còn yêu thương ông T nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

2. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014. Ly hôn, bà xin nuôi con con Nguyễn Ngọc Bảo T, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng để thể hiện trách nhiệm của người làm cha.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày: Tôi thống nhất về thời, điều kiện kết hôn như bà H nêu trong đơn khởi kiện nhưng mâu thuẫn vợ chồng không có gì nghiêm trọng, chỉ là vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, tôi đã nhận thấy sai sót của mình đối với vợ và thường xuyên tìm cách liên lạc với bà H để khuyên nhủ, thuyết phục bà H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H luôn trốn tránh, không gặp mặt. Vì không đồng ý ly hôn nên tôi không đề cập đến vấn đề nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai nhưng ông T có mặt còn bà H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Bảo T cho bà H nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụcấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao: CMND bà H, sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Quang T, giấy khai sinh con; bản tự khai của

bà H và ông T; biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng; đơn đề nghị không hòa giải, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt của bà H.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Quang T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai. Ông T có mặt còn bà H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không ai xuất trình thêm chứng cứ. Thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Quang T đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2014 tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014, quyển số 01/2014 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà H nên tháng 10/2017 bà H dẫn con đến nơi khác sinh sống. Từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông T đến Tòa án với mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H kiên quyết ly hôn và không muốn gặp lại ông T để tránh bị tổn thương. Như vậy, đời sống hôn nhân của ông T và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014. Ly hôn, bà H xin được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến lợi ích mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Bảo T còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, hơn nữa mẹ con bà H đang sống ổn định cùng nhau trong khi ông T lại có hành vi bạo lực gia đình nên việc giao cháu Trân cho bà H nuôi dưỡng là đảm bảo lợi ích toàn diện cho cháu. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Ngọc Bảo T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000

đồng/tháng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6287 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Về án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.00.000 đồng: ông Nguyễn Quang T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điêm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà H là 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6287 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng: ông Nguyễn Quang T phải chịu.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường K, quận C;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG